

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 8 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 27/2020/TLDS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXHNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 59, ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Bích P, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông T có mặt, bà P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của ông Võ Thành T, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn – Ông Võ Thành T trình bày: Vào năm 2008, ông T và bà P yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày 17 tháng 6 năm 2009, ông T và bà P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Ông T và bà P tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì P sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông nhiều lần bắt gặp bà P nhắn tin, gọi điện cho người đàn ông khác, xưng hô với nhau là vợ chồng. Ông đã nhiều lần khuyên nhủ bà P nhưng bà P không sửa đổi. Từ đó, ông đã mất niềm tin đối với bà P. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên ông T yêu cầu ly hôn với bà P, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Ông T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Võ Thành P, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2012, giới tính nam. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P đến tròn 18 tuổi vì cháu P hiện nay đang ở chung với ông T. Ông T không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi cháu P vì ông T đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung: Ông T xác định có, tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông T xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của ông T, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho bà P nhưng bà P không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, bà P cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không gửi văn bản nêu ý kiến của bà P cho Tòa án biết về việc ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa P biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cụ thể là: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho ông T được ly hôn với bà P; về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu P cho ông T nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi vì cháu P có nguyện vọng được sống chung với ông T và không buộc bà P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Ông T xác định có, tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông

T xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là bà P có địa chỉ tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bà P tại phiên tòa: Bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà P đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T, xử cho ông T được ly hôn với bà P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn ông T xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bởi vì, hiện tại ông T làm ruộng và nghề buôn bán, công việc ổn định, thu nhập trung bình được khoảng 7.000.000 đồng/tháng, nhà ông T gần trường học, tiện việc đưa đón con đi học. Đồng thời, cháu P có nguyện vọng sống chung với ông T khi ông T và bà P ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K là tiếp tục giao cháu P cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và không buộc bà P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Ông T xác định có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông T xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Võ Thành T, xử cho ông Võ Thành T được ly hôn với bà Võ Thị Bích P.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao người con chung tên Võ Thành P, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2012, giới tính nam cho ông Võ Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

Bà Võ Thị Bích P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thành P.

Bà Võ Thị Bích P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Võ Thị Bích P thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc ông Võ Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007481 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Ông Võ Thành T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

